

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KV C  
TỈNH Đ**

Bản án số 81/2025/DS-ST  
Ngày 31-12-2025  
V/v tranh chấp dân sự về hụi.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Tc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KV C**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê V M.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn A

2. Bà Bùi Thị G

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Hoàng T, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực C - Đ.

Trong ngày 31/12/2025, tại Tòa án nhân dân KV C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2025/TB-TLVA, ngày 28 tháng 7 năm 2025, về việc “Tranh chấp dân sự về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2025/QĐXXST-DS, ngày 21/11/2025, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Nguyễn Trọng T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 16 A, đường Lê Thị Riêng, khóm 3, thị trấn T, huyện N, tỉnh Đ nay là khóm 3, xã T, tỉnh Đ.

*- Bị đơn:* Võ Thị Bích Q, sinh năm 1986

Địa chỉ: tổ 32, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Đ nay là khóm H, phường C, tỉnh Đ.

*Ông Nguyễn Trọng T có mặt tại phiên tòa. Bà Võ Thị Bích Q vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Ông Nguyễn Trọng T trình bày:*

Bà Võ Thị Bích Q là chủ hụi. Ngày 13/3/2024, bà Q có yêu cầu bán hụi cho ông T, lần thứ 3 mỗi tháng 2.000.000/tháng. Đến tháng 8/2024 được 8, ông T muốn hốt hụi thì bà Q yêu cầu trừ hết số tiền các tháng còn lại nên ông T không đồng ý, bà Q yêu cầu trả lại số tiền vốn 10.880.000 đồng. Ông T đã đóng chia 05 lần mỗi tháng số tiền 2.176.000 đồng, ông T đồng ý. Ngày 13/9/2024, bà Q chuyển cho ông T số tiền 2.176.000 đồng. Đến ngày 13/10/2024 thì bà Q không chuyển tiền cho ông T nên ông T đến nhà bà Q thì bà Q nói chờ tổng hợp sổ sách mới giải quyết cho ông T, tuy nhiên đến ngày 13/11/2024 thì bà Q không chuyển tiền cho ông T. Nay ông T yêu cầu bà Võ Thị Bích Q phải trả lại số tiền 8.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*- Bà Võ Thị Bích Q:* Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

Tại phiên toà, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về tố tụng*: Do bà Võ Thị Bích Q vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân KV Cđược thành lập. Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó, Tòa án nhân dân KV Ctiếp tục giải quyết vụ án nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[3]. *Về nội dung*:

Xét yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Võ Thị Bích Q là chủ hội. Bà Q thỏa Q yêu cầu ông T mua hội, ông T đồng ý tham gia mua hội 2.000.000 đồng/tháng.

Ông T chuyển khoản từ số tài khoản 19033219573010 qua Ngân hàng đối ứng (Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB)) đến tài khoản đối ứng 0763251222 của Võ Thị Bích Q, cụ thể:

Ngày 13/3/2024, chuyển số tiền 4.040.000 đồng;

Ngày 08/4/2024, chuyển số tiền 1.450.000 đồng;

Ngày 08/5/2024, chuyển số tiền 1.380.000 đồng;

Ngày 09/6/2024, chuyển số tiền 1.400.000 đồng;

Ngày 08/7/2024, chuyển số tiền 1.770.000 đồng, cân trừ nợ số tiền 450.000 đồng, còn lại 1.320.000 đồng;

Ngày 08/8/2024, chuyển số tiền 1.290.000 đồng;

Ông T đóng hội 08 lần, tổng cộng số tiền 10.880.000 đồng.

Sau khi ông T đóng 08 lần hội thì bà Q thông báo ngưng hội nên bà Q đồng ý trả lại cho ông T số tiền 10.880.000 đồng. Ngày 13/9/2024, bà Q chuyển trả lại cho ông T số tiền 2.176.000 đồng, số tiền còn lại 8.704.000 đồng, tuy nhiên khi ông T làm đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bà Q trả số tiền 8.700.000 đồng. Xét thấy, hai bên thỏa Q giao dịch mua hội, ông T có tham gia và đóng hội cho bà Q, nay ông T yêu cầu bà Võ Thị Bích Q trả lại số tiền 8.700.000 đồng có căn cứ chấp nhận.

Đối với bà Võ Thị Bích Q: Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà Võ Thị Bích Q không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và dự phiên tòa xét xử. Thể hiện bà Võ Thị Bích Q không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ bỏ quyền và lợi ích của mình.

Về lãi suất: Ông Nguyễn Trọng T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng T. Buộc bà Võ Thị Bích Q có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Trọng T số tiền 8.700.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Bích Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng T.

Buộc bà Võ Thị Bích Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền 8.700.000 đồng (tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Bích Q phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trả lại cho Nguyễn Trọng T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000651, ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Q thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*